**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------------------**

|  |  |
| --- | --- |
| **BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN**  **ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  Mã hồ sơ:…………….…  Đối tượng đăng ký: Giảng viên thỉnh giảng **🗹**  Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Động vật học |  |

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN THANH TÙNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 26/06/1971;  Nam **🗹** ; Nữ □; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: **🗹**

4. Quê quán: Xã Tiến Thịnh – Huyện Mê Linh –Thành Phố Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 22, Đường Tô Ngọc Vân, Phường Trưng Nhị - Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

6. Địa chỉ liên hệ: Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, Phường Trưng Nhị - Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại di động: 0912.069.591;

  E-mail:tungbiology3@gmail.com.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9/1999 đến tháng 5/2010: Giảng viên khoa Tự nhiên, trường Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Phúc (nay đổi tên là trường Cao đẳng Vĩnh Phúc);

- Từ tháng 06/2010 đến tháng 3/2011: Phó Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

- Từ tháng 04/2011 đến tháng 11/2011: Phó Trưởng phòng Đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

- Từ tháng 12/2011 đến tháng 03/2013: Trưởng phòng Đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

- Từ tháng 04/2013 đến tháng 05/2017: Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

- Từ tháng 06/2017 đến nay: Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

- Cơ quan công tác hiện nay:  Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

- Địa chỉ cơ quan: Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, Phường Trưng Nhị - Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc;

- Điện thoại cơ quan 0211.3868.188;

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Từ tháng 01 năm 2018 tham gia hoạt động đào tạo và thỉnh giảng tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội II, trường Đại học Hùng Vương.

8. Nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II, trường Đại học Hùng Vương.

9. Học vị:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại bằng** | **Ngày cấp** | **Số văn bằng** | **Ngành/Chuyên ngành** | **Cơ sở cấp bằng** | **Quốc gia** |
| Đại học | 17/6/21999 | 14594 | Sư phạm Sinh học - KTNN *(Chính quy)* | Trường Đại học Sư phạm HN II | Việt Nam |
| Đại học | 20/8/2019 | 000999 | Cử nhân Tiếng Anh  *(Văn bằng 2)* | Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội | Việt Nam |
| Thạc sỹ | 2004 | 100011 | Động vật học | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Việt Nam |
| Tiến sĩ | 08/04/2010 | 006787 | Động vật học | Bộ Giáo dục và Đào tạo  (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ) | Việt Nam |

10. Học hàm: Chưa được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1). Nghiên cứu về phân loại học, phân bố và đa dạng các loài lưỡng cư và bò sát.

(2). Nghiên cứu về sinh học, sinh thái học, tập tính động vật và ứng dụng trong sinh học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

*14.1. Kết quả đào tạo*

Hướng dẫn 02 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và xuất bản 05 sách là tài liệu tham khảo trong đào tạo đại học. Chủ trì và hoàn thành đề tài 01 đề tài NCKH cấp tỉnh (tương đương cấp bộ) và công bố 41 bài báo khoa học. Cụ thể là:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về phân loại học, đa dạng và bảo tồn động vật tập trung vào các loài lưỡng cư và bò sát.

+ Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 30 bài [1-2], [5-8], [10-19], [21], [23-25], [28 - 30], [35 - 39] và [41].

+ Các bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín mà tôi là tác giả chính sau khi được cấp bằng tiến sĩ là: 03 bài thuộc danh mục SCIE; [10-12], trong đó có 02 bài Q1 và 01 bài Q2.

+ Số đề tài khoa học: 01 đề tài cấp tỉnh (tương đương cấp bộ) mà tôi là chủ nhiệm.

+ Số lượng sách đã xuất bản: 03 sách TLTK: [5.1], [5.2], [5.4].

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về sinh thái học, bảo tồn, tập tính động vật và ứng dụng sinh học.

+ Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 11 bài [3-4], [9], [20], [22], [26 -27], [31 - 34] và [40].

+ Số đề tài khoa học: 01 đề tài cấp tỉnh (tương đương cấp bộ) mà tôi là chủ nhiệm.

+ Số học viên cao học hướng dẫn chính bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng thạc sĩ: 02; [4.1], [4.2].

+ Số lượng sách đã xuất bản: 02 sách TLTK: [5.3], [5.5].

- Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

1) **Tran Thanh Tung,** Nikolai L. Orlov and Nguyen Thien Tao (2008), *A new species of cascade fro Odorrana Fei, Yi Et Huang, 1990 Genus (Amphibia: Anura: Ranidae) from Bac Giang province (Yen Tu mountain range Northeast Vietnam)* Russian Jour. Herpetology, 15 (3): 212 . 224 . (SCIE, Q3, IF 0,333).

2) **Tung Thanh Tran**,Anh Van pham, Minh Duc Le, Nam Hai Nguyen, Thomas Ziegler & Cuong The Pham, 2023, A new of *Gracixalus* (Anura, Rhacophoridae) from northwestern Vietnam. ZooKey 1153: 15–35.(SCIE, Q1, IF 1,5).

3) Tung Thanh Tran, Chung Van Hoang, Anh Mai Luong, Truong Quang Nguyen, Thomas Ziegler , Cuong The Pham, 2023, Integrative taxonomic analyses reveal first country records of Occidozyga shiwandashanensisChen, Peng, Liu, Huang, Liao & Mo, 2022 and Hylarana latouchii (Boulenger, 1899) (Anura, Dicroglossidae, Ranidae) from Vietnam. Biodiversity Data Journal 11:1-18. (SCIE, Q2, IF 1,3).

4) Le, D.T., Do, Y.T., **Tran, T.T**., Nguyen, T.Q., Orlov, N.L., Ninh, H.T., Nguyen, T.T. (2021). A new species of *Gracixalus* (Anura: Rhacophoridae) from Northern Vietnam. Russian Journal of Herpetology, 28(3), 111-122 (SCIE, Q3, IF 0,333).

5) **Tung Thanh Tran**,Quyen Hanh Do, Cuong The Pham, Tien Quang Phan, Hanh Thi Ngo, Minh Duc Le, Thomas Ziegler, Truong Nguyem Quang, 2024, A new species of the *Cyrtodactylus chauquangensis* species group(Squamata, Gekkonidae) from Lao Cai Province Vietnam. ZooKey 1192: 83–102.(SCIE, Q1, IF 1,5).

*14.4. Số lượng sách đã xuất bản*: 05 sách tham khảo, trong đó 05 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 03 bằng khen.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm** | **Hình thức, nội dung khen thưởng** | **Số, ngày, tháng, năm quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định** |
| 1 | 2015 | Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2013-2014 và năm học 2014-2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. | Quyết định khen thưởng số 2495/QĐ - UBND, ngày 16/9/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc. |
| 2 | 2018 | Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017 và năm học 2017-2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. | Quyết định khen thưởng số 1706/QĐ - UBND, ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc. |
| 3 | 2022 | Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 202, của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. | Quyết định khen thưởng số 5182/QĐ - TLĐ, ngày 23/8/2022 của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. |

16. Kỷ luật:  Không.

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

**1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo**

***1.1.Tiêu chuẩn***

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, có lối sống và sinh hoạt lành mạnh, văn minh, thân thiện, phù hợp với môi trường giáo dục hiện đại.

- Có tác phong và tư cách chuẩn mực của một nhà giáo, tận tình, làm việc khoa học và sáng tạo; luôn trung thực, khách quan và giúp đỡ bạn bè đồng nghiệp trong giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học.

- Luôn học hỏi và nâng cao trình độ, lao động khoa học và sáng tạo, đảm bảo trình độ trên chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

- Có tư tưởng trong sáng, luôn thân thiện với cộng đồng và môi trường xung quanh, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của một giảng viên trong thời đại hội nhập sâu rộng với thế giới để thực thiện tốt các nhiệm vụ được giao.

***1.2. Nhiệm vụ***

* + - Thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam, Luật Giáo dục Đại học của Việt Nam, chế độ làm việc của giảng viên và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Thực hiện công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo đúng kế hoạch, đảm bảo đầy đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học được cơ sở đào tạo phân công.
    - Tích cực kết nối với các chuyên gia, tổ chức quốc tế trong nghiên cứu khoa học, công bố công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế.
    - Tham gia biên soạn sách tham khảo phục vụ đào tạo trình độ đại học và sau đại học.

học; hướng dẫn học viên cao học làm luận văn.

- Không ngừng tự học tập và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; luôn đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin; là tấm gương tốt để người học noi theo. Luôn gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân và quyền công dân, luôn thực hiện tốt các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của cơ sở giáo dục, đào tạo.

* + - Thường xuyên rèn luyện đạo đức, phẩm chất, uy tín, danh dự của một giảng viên. Luôn tôn trọng và đối xử công bằng, khách quan với người học, bạn bè và đồng nghiệp; luôn bảo vệ các quyền và lợi ích của người học.
    - Quan tâm nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học công nghệ để chuyển giao; luôn phấn đấu để thực hiện vượt định mức nghiên cứu được giao đối với một giảng viên đại học.

***1.3. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ***

- Năng lực nghiên cứu: Hiện nay tôi đã công bố nhiều công trình nghiên cứu có giá trị được đăng tải trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Tôi được giao nhiệm vụ chủ nhiệm và đã hoàn thành 01 đề tài cấp tỉnh mã số Mã số: 27.ĐTKHVP/2021-2023 với tổng sản phẩm gồm 02 bài báo ISSN và 01 sách tham khảo.

- Kết quả công bố và xuất bản: Tôi đã công bố 41 bài báo khoa học theo 2 hướng nghiên cứu trên, trong đó có 12 bài báo quốc tế uy tín SCIE/ scopus (04 bài tác giả chính), 19 bài trong nước (12 bài tác giả chính) và 10 bài hội nghị quốc gia. Xuất bản 05 sách tài liệu tham khảo.

**2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

Tổng số: 06 năm 06 tháng tham gia đào tạo Đại học và Sau đại học. Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ theo bảng tổng hợp dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm học** | **Số lượng NCS đã hướng dẫn** | | **Số lượng ThS đã hướng dẫn** | **Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD** | **Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp** | | **Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức** (\*) |
| **Chính** | **Phụ** | **ĐH** | **SĐH** |
| 1 | 2018-2019 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 72 | 72/142/135 |
| 2 | 2019-2020 | 0 | 0 | 0 | 0 | 67,5 |  | 67,5/137,5/135 |
| 3 | 2020-2021 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | 0/160/135 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2021-2022 | 0 | 0 | 0 | 0 | 67,5 |  | 67,5/227,5/135 |
| 5 | 2022-2023 | 0 | 0 | 0 | 0 | 108\*\* |  | 108/268/135 |
| 6 | 2023-2024 | 0 | 0 | 0 | 0 | 126\*\* |  | 126/166/135 |

*(\*) Số giờ chuẩn của giảng viên thỉnh giảng: Trước ngày 25/3/2015 theo QĐ số 64/2008/QĐBGDĐT: 50% x 280 giờ = 140 giờ; Từ ngày 25/3/2015 theo TT số 47/2014/TT-BGDĐT: 50% x 270 giờ = 135 giờ; Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số* 20/2020/TT-BGDĐT *ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.*

*\*\* Tính hệ số giờ trên tổng số sinh viên (Theo quyết định số:1541/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 về việc Ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên).*

**3. Ngoại ngữ**

***3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:*** Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài □ :

- Học ĐH □; Tại nước: …….; Từ năm ……………..đến năm ………………

- Bảo vệ luận văn ThS □ hoặc luận án TS □ hoặc TSKH □; Tại nước:…. năm…

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước **🗹** :

- Tốt nghiệp ĐH Tiếng anh Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội:số bằng ĐH 000999; năm cấp: 20 tháng 8 năm 2019.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài □:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : ...........................................................................

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .............................................................

d) Đối tượng khác □; Diễn giải: .......................................................................

***3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):*** Cử nhân Tiếng anh Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, tốt nghiệp năm 2019

**4. Hướng dẫn NCS, HVC đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên NCS**  **hoặc HV** | **Đối tượng** | | **Trách nhiệm HD** | | **Thời gian hướng dẫn** | **Cơ sở đào tạo** | **Năm được cấp bằng** |
| **NCS** | **HV**  **CH** | **Chính** | **Phụ** |
| 4.1 | Nguyễn Quốc Bảo |  | x | x |  | 2018-  2019 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 21/01/2020 |
| 4.2 | Trần Thanh Tân |  | x | x |  | 2018-  2019 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 21/01/2020 |

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên**

***5.1.Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ:*** *Không có.*

***5.2. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ:*** 05 sách tham khảo (Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sách** | **Loại sách** | **Nhà xuất bản và**  **năm xuất bản** | **Số tác giả** | **Chủ biên** | **Phần biên soạn**  (từ trang… đến trang.) | **Xác nhận của cơ sở GDĐH**  (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
| **I** | **Trước khi bảo vệ TS** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Sau khi bảo vệ TS** | | | | | | |
| 5.1 | Đa dạng Ếch nhái, Bò sát ở vùng núi Yên Tử | Tham  khảo | NXB Nông  Nghiệp,  2018 | 2 | x | Phần I  (13- 22);  Phần II  (23 -145). | Giấy xác nhận số 02/GXN-ĐHHV  Ngày 20/5/2024 của Trường ĐH Hùng Vương |
| 5.2 | Lưỡng cư và Bò sát ở Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé | Tham  khảo | NXB Nông  Nghiệp,  2018 | 4 |  | Chương III (103-112) | Giấy xác nhận số 112/GXN-ĐHHV  Ngày 20/5/2024 của Trường ĐH Hùng Vương |
| 5.3 | Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ Mầm non | Tham khảo | NXB Nông  Nghiệp,  2018 | 6 | X | Chương II  (44-64)  Chương III  (65-85) | Giấy xác nhận số 112/GXN-ĐHHV  Ngày 20/5/2024 của Trường ĐH Hùng Vương |
| 5.4 | Sinh vật ngoại lai xâm hại ở tỉnh Vĩnh Phúc | Tham  khảo | NXB Khoa  học và Kỹ thuật, 2023 | 9 | X | Phần II (33-90);  Phần III (91-103); | Giấy xác nhận số 02/GXN-ĐHHV  Ngày 20/5/2024 của Trường ĐH Hùng Vương |
| 5.5 | Sinh lý trẻ em | Tham  khảo | NXB Khoa  học và Kỹ thuật, 2023 | 3 | X | Từ bài 1 đến hết bài 9 (15-150) | Giấy xác nhận số  của Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên |

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ khoa học và**  **công nghệ**  (chươngtrình,  dự án, đề tài,) | **Trách**  **nhiệm**  (CN,PCN,  TK) | **Mã số, cấp quản lý** | **Quyết định**  **Giao nhiệm vụ** (số, ngày tháng) | **Thời gian thực hiện**  (tháng, năm …. đến tháng,năm) | **Văn bản nghiệm thu** (văn bản, số, ngày tháng,năm)**,** xếp loại kết quả |
| **I** | **Trước khi bảo vệ tiến sĩ** | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Sau khi bảo vệ tiến sĩ** | | | | | |
| 1 | Nghiên cứu đánh giá hiện trạng, ảnh hưởng của sinh vật ngoại lai xâm hại và đề xuất giải pháp phòng ngừa, kiểm soát một số loài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc | Chủ nhiệm đề tài | Mã số: 27.ĐTKHVP/2021-2023.  Cấp quản lý: UBND tỉnh Vĩnh Phúc | Quyết định số1535/QĐ-UBND ngày  14/6/2021 | 6/2021-  6/2023 | -QĐ công nhận kết số 198/QĐ- SKHCN ngày 04/12/2023    -Kết quả: Khá |

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố** (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

***7.1. Bài báo khoa học đã công bố***

*(Ghi chú: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS; Từ viết tắt: X là tác giả chính của bài báo; C là tác giả liên hệ của bài báo)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài báo/báo cáo KH** | **Số tác giả** | **Là tác giả chính** | **Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN** | **Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)** | **Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)** | **Tập, số, trang** | **Tháng, năm công bố** |
| **I. TRƯỚC KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ**: 09 bài (*trong đó: 02 bài SCIE Q3; 5 bài ISI; 02 bài ISBN).* | | | | | | | | |
| **I.1. Bài báo xuất bản trên tạp chí Quôc tế thuộc danh mục ISI/Scopus: 02 bài** | | | | | | | | |
| 1 | A new species of cascade fro *Odorrana Fei*, Yi Et Huang, 1990Genus (Amphibia: Anura: Ranidae) from Bac Giang province (Yen Tu mountain range NortheastVietnam) | 3 | X | Russian  Journal of  Herpetology  1026-2296 | SCIE  (0.325, Q3) | 7 | 15 (3): 212 - 224. | 12/2008 |
| 2 | Rediscovery and redescription of *Ateuchosaurus chinensis* Gray, 1845 (Squamata: Sauria: Scincidae) from northeastern Vietnam | 5 |  | Russian  Journal of  Herpetology  1026-2296 | SCIE  (0.325, Q3) | 15 | (1): 17-21 | 9/2008 |
| **I.2. Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc gia: 05** | | | | | | | | |
| 3 | Sự đa dạng và hiện trạng Ếch nhái, Bò sát ở vùng núi Yên Tử | 3 | X | Tạp chí sinh học  0866-7160 | QG |  | 30(3):  44-51 | 9/2008 |
| 4 | Một số đặc điểm hình thái và sinh học của Thằn lằn cá sấu *Shinisaurus crocodilusus* Ahl, 1930 trong điều kiện nuôi | 3 |  | Tạp chí sinh học  0866-7160 | QG |  | 30(3):  58-64 | 9/2008 |
| 5 | New record distribution of some Amphibia and Reptilia in mountainous area of Yen Tu, Northeas of Vietnam | 3 |  | HNUE  Journal of Science  0868-3719 | QG |  | 53(7)  98-105 | 7/2008 |
| 6 | Thành phần loài ếch nhái (Amphibia) và Bò sát (Reptilia) ở vùng núi Yên Tử, tỉnh Bắc Giang | 3 | X | Tạp chí sinh học  0866-7160 | QG |  | 28(4)  11-17 | 12/2006 |
| 7 | Kết quả nghiên cứu ở vùng sông Tả Trạch tỉnh Thừa Thiên – Huế | 2 |  | HNUE  Journal of Science  0868-3719 | QG |  | 4  115-119 | 9/2004 |
| **I.3. Bài báo xuất bản trên Hội nghị quốc gia: 02** | | | | | | | | |
| 8 | Phân bố của các loài ếch nhái, Bò sát theo độ cao và sinh cảnh ở vùng núi Yên Tử | 3 |  | Kỷ yếu Hội thảo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ II |  |  | Lần thứ 1:  513-518 | 10/2007 |
| 9 | Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng của Kỳ đà vân *Varanus nebunosus* (Gray, 1831) trong điều kiện nuôi | 2 |  | Kỷ yếu Hội nghị toàn quốc lần thứ hai nghiên cứu cơ bản trong sinh học, nông nghiệp, y học |  |  | Lần thứ 1:  477-480 | 7/2003 |
| **II. SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ:** 32 bài (trong đó: 02 bài SCIE Q1; 03 bài SCIE Q2; 02 bài SCIE Q3; 18 bài ISI; 07 bài ISBN) | | | | | | | | |
| **II.1. Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus: 10 bài** | | | | | | | | |
| 10 | A new species of the *Cyrtodactylus chauquangensis* species group (Squamata, Gekkonidae) from Lao Cai Province, Vietnam | 8 | X | ZooKey,  ISSN 1313-2970 | SCIE, IF 1.3, Q1 |  | 1192  83-102 | 2/2024 |
| 11 | A new of *Gracixalus* (Anura, Rhacophoridae) from northwestern Vietnam | 6 | X | ZooKey,  ISSN 1313-2970 | SCIE, IF 1.3, Q1 |  | 1153  15-35 | 8/2023 |
| 12 | Integrative taxonomic analyses reveal first country records of Occidozyga shiwandashanensisChen, Peng, Liu, Huang, Liao & Mo, 2022 and Hylarana latouchii (Boulenger, 1899) (Anura, Dicroglossidae, Ranidae) from Vietnam | 6 | X | Biodiversity Data Journal  ISSN 1314-2828 | SCIE  (0.455, Q2) |  | 11(1)  1-18 | 10/2023 |
| 13 | Living under the risk of extinction: population status and conservation needs assessment of a micro–endemic tiger gecko in Vietnam | 9 |  | Animal Biodiversity and Conservation, 45.2: 175–188. |  |  | 45(2)  175-188 | 2/2022 |
| 14 | A new species of *Gracixalus* (Anura:  Rhacophoridae) from Northern  Vietnam | 7 |  | Russian  Journal of  Herpetology,  1026-2296 | SCIE  (0.455, Q3) |  | 28(3): 111-122 | 5/2021 |
| 15 | First record of the  *Cyrtodactylus brevipalmatus* group (Squamata: Gekkonidae) from Vietnam with description of a new species | 8 |  | Zootaxa,  1175-5326 | SCIE  (0.994, Q2) |  | 4969(3): 492-510 | 3/2021 |
| 16 | Two new records of *Leptobrachella* (Anura: Megophryidae) from Vietnam. | 4 |  | Russian  Journal of  Herpetology  1026-2296 | SCIE  (0.455, Q3) |  | 28(4): 219-224 | 8/2021 |
| 17 | First report on the anuran fauna of Hai Ha forest, Quang Ninh, Province, Vietnam | 6 |  | Check List  /ISSN  1809-127X | ESCI, Scopus  (IF 0,4) |  | 16(4)  1025-1041 | 8/2020 |
| 18 | New records of reptiles from northern Vietnam | 6 |  | Abhandlungen des Naturwissenschafttichen Vereins zu Bremen, Banb. |  |  | 47(2)  247-254 | 2/2014 |
| 19 | First Record of *Sphenomorphus incognitus* (Thompson, 1912) (Squamata: Scincidae) from Vietnam with Some Notes on Natural History. | 5 |  | Asian  Herpetologica l Research/ISSN  2095-0357 | SCIE  (0.553, Q2) | 4 | 3(2): 147-150 | 2/2012 |
| **II.2. Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc gia: 14** | | | | | | | | |
| 20 | Đặc điểm phân bố của một số loài sinh vật ngoại lai có khả năng xâm hại cao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc | 3 | X | Tạp chí Khoa  học Công  nghệ Đại học  Hùng Vương  1859-3968 | QG |  | 1(30)  72-19 | 3/2023 |
| 21 | He First List Of Amphibians And Reptiles From Soc Son Watershed Protection Forest, Hanoi City, Vietnam | 2 | X | Acamedia  Journal of Biology  0866-7160 | QG |  | 43(1)  61-76 | 3/2021 |
| 22 | Thành phần thức ăn của loài Cóc mày phê *Brachytarsophrys feae* (Boulenger, 1887) và Cóc mắt bên *Megophrys major* (Boulenger, 1908) tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ | 2 | X | Tạp chí Khoa  học và Công  nghệ Đại học  Thái Nguyên  1859-2171 | QG |  | 225(08): 286-291 | 7/2020 |
| 23 | Thành phần loài lưỡng cư, bò sát ở vùng núi Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc | 2 | X | Tạp chí Khoa  học và Công  nghệ Đại học  Thái Nguyên  1859-2171 | QG |  | 225(08): 117-121 | 7/2020 |
| 24 | Ghi nhận mới và cập nhật thành phần loài Bò sát tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ | 1 | X | Tạp chí Khoa  học và Công  nghệ Đại học  Thái Nguyên  1859-2171 | QG |  | 225(01): 107-112 | 1/2020 |
| 25 | Ghi nhận mới và cập nhật thành phần loài lưỡng cơ, bò sát tại Vườn Quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | 2 | X | Tạp chí Khoa  học và Công  nghệ Đại học  Thái Nguyên  1859-2171 | QG |  | 225(01): 72-78 | 1/2020 |
| 26 | Phát triển năng lực khám phá cho học sinh vùng khó khăn tại tỉnh Trà Vinh thông qua tổ chức dạy học chương sinh trưởng và phát triển ở động vật – Sinh học 11 Trung học phổ thông | 4 |  | Tạp chí Khoa học tr­ường ĐHSP II  1859-2325 | QG |  | 61  117-128 | 6/2019 |
| 27 | Rèn luyện kỹ năng thực hành cho học sinh trong dạy học chủ đề Tập tính của động vật học, Sinh học 11 Ở một số trường THPT thuộc huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh | 2 |  | Tạp chí Khoa học tr­ường ĐHSP II  1859-2325 | QG |  | 60  71-78 | 3/2019 |
| 28 | Đa dạng Lưỡng cư, Bò sát ở Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn | 1 | X | Tạp chí Khoa  học và Công  nghệ Đại học  Thái Nguyên  1859-2171 | QG |  | 207(14): 73-78 | 9/2019 |
| 29 | Ghi nhận phân bố mới của bốn  loài trong họ Rhacophoridae Hoffman, 1932 tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, Tỉnh Phú Thọ | 2 | X | Tạp chí Khoa  học và Công  nghệ Đại học  Thái Nguyên  1859-2171 | QG |  | 207(14): 61-66 | 9/2019 |
| 30 | New records on the distribution of four species in the election of *Microhylidae* Gunthrer, 1858 in Con Dao National Park | 1 | X | Tạp chí Khoa học tr­ường ĐHSP II  1859-2325 | QG |  | 58  71-78 | 12/2018 |
| 31 | Đặc điểm hình thái và sinh trưởng của kỳ đà vân *Varanus nebulosus* (Gray 1831) trong điều kiện nuôi | 1 | X | Tạp chí Khoa học tr­ường ĐHSP II  1859-2325 | QG |  | 56  55-67 | 8/2018 |
| 32 | Vấn đề giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản tuổi vị thành niên trong đào tạo sinh viên sư phạm | 2 | X | Tạp chí Quản lý giáo dục | QG |  | 10(4)  106-110 | 4/2018 |
| 33 | Advertisement calls and mating behaviour of *Chiromantis doriae*  (Boulenger, 1803) (Anura: Rhacophoridae) from | 3 | X | HNUE  Journal of Science  0868-3719 | QG |  | 63(11):  162-168 | 9/2018 |
| **II.3. Bài báo xuất bản trên Hội nghị quốc gia: 08** | | | | | | | | |
| 34 | Đặc điểm hình thái loài ếch suối yên tử *Odorrana yentuensis* Tran, Orlov & Nguyen 2008 (Anura: Ranidae) trong điều kiện nuôi | 3 |  | Báo cáo khoa học quốc gia  về nghiên cứu  và giảng dạy sinh học ở  Việt Nam,  ISBN 978-  604-913-6955 |  |  | Lần thứ 5:  172-180 | 9/2022 |
| 35 | Thành phần loài và phân bố các loài ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại ở tỉnh Vĩnh Phúc | 6 | X | Báo cáo khoa học quốc gia  về nghiên cứu  và giảng dạy sinh học ở Việt Nam, ISBN 978-604-913-6955 |  |  | Lần  thứ 5:  386-396 | 9/2022 |
| 36 | Ghi nhận mới và cập nhật danh sách các loài lưỡng cư, bò sát tại tỉnh Thái Nguyên | 5 | X | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc gia về Lưỡng cư và Bò sát ở Việt Nam, ISSN 2615-9368 |  |  | Lần  thứ 5:  55-64 | 9/2022 |
| 37 | Ghi nhận mới và cập nhật danh sách các loài lưỡng cư, bò sát tại tỉnh Phú thọ Miền Bắc Việt Nam | 5 | X | Kỷ yếu Hội nghị Khoa  học Quốc gia về Lưỡng cư và Bò sát ở Việt Nam, ISSN 2615-9368 |  |  | Lần  thứ 5:  55-64 | 9/2022 |
| 38 | Distribution extension and tadpole description of *Leptobrachium ailaonium* (Yang, Chen and Ma, 1983) (Anura; Megophrydae) in Vietnam | 4 |  | Kỷ yếu Hội nghị Khoa  học Quốc gia về Lưỡng cư và Bò sát ở Việt Nam,  978-604-913-  853-9 |  |  | Lần  thứ 4:  120-125 | 8/2019 |
| 39 | Three new records of snakes from Mau Son mountain in the Lang Sơn province, Viet Nam | 5 |  | Báo cáo khoa học quốc gia  về nghiên cứu  và giảng dạy sinh học ở  Việt Nam,  ISBN 978-  604-913-6955 |  |  | Lần thứ 3:  673-678 | 5/2018 |
| 40 | Dẫn liệu về hình thái, sinh trưởng và phát triển của nòng nọc Ếch cây sần bắc bộ *Theloderma corticale* (Boulenger, 1903) trong điều kiện nuôi | 1 | x | Báo cáo khoa học quốc gia  về nghiên cứu  và giảng dạy sinh học ở  Việt Nam,  ISBN 978-  604-913-6955 |  |  | Lần thứ 3:  209-216 | 5/2018 |
| 41 | New record of *xenophrys jingdongensis* (fei & ye, 1983) (anura: megophryidae) from ha giang province,Vietnam | 4 |  | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về lưỡng cư và bò sát ở Việt Nam  ISBN 978-  604-913-5026 |  |  | Lần thứ 3:  111-115 | 6/2017 |

***7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:*** Không có

***7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:*** Không có

***7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:*** Không có

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:** Không

**9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định:**

Thiếu giờ trực tiếp giảng dạy năm học 2020-2021. Đề xuất tính điểm gấp đôi từ các công trình nghiên cứu khoa học.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 6 năm 2024* **NGƯỜI ĐĂNG KÝ** (Ký và ghi rõ họ tên)    **TS. Trần Thanh Tùng** |